

D T H O
Ngày 01/7/2010

QUY CH V T CH C VÀ HO T NG C A H I NG QU N TR
NGÂN HÀNG TMCP XU T NH P KH U VI T NAM
(*Ban hành kèm theo Quy t nh s/2010/EIB/Q -H QT ngày....tháng.....n m*
2010 c a H i ng qu n tr Ngân hàng TMCP Xu t Nh p kh u Vi t Nam)

Ch ng I
NH NG QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi i u ch nh

Quy ch này quy nh c c u t ch c ho t ng, ch c n ng, nhi m v , quy n h n c a H i ng qu n tr Ngân hàng TMCP Xu t Nh p kh u Vi t Nam.

i u 2. Nguyên t c t ch c và ho t ng

H i ng qu n tr t ch c và ho t ng theo nguyên t c tuân th các quy nh c a pháp lu t, i u l và các quy nh c a Ngân hàng.

i u 3. Gi i thích t ng

1. Trong Quy ch này các t ng đ i ây c hi u nh sau:

a) “*Ngân hàng*” là Ngân hàng TMCP Xu t Nh p kh u Vi t Nam hay Eximbank;

b) “*Qu n tr ngân hàng*” là h th ng các quy t c m b o cho Ngân hàng c nh h ng i u hành và c ki m soát m t cách có hi u qu vì quy n l i c a c ông và nh ng ng i liên quan n Ngân hàng;

c) “*Ng i có liên quan*” là t ch c, cá nhân có quan h tr c ti p ho c gián ti p v i Ngân hàng n u thu c m t trong các tr ng h p quy nh t i i u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;

d) “*Thành viên H i ng qu n tr c l p*” là thành viên H i ng qu n tr áp ng các i u ki n v thành viên H i ng qu n tr c l p theo i u l Ngân hàng và quy nh c a pháp lu t;

) “*C ông l n*” là c ông s h u tr c ti p ho c gián ti p m c c ph n tr ng y u theo quy nh c a i u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;

e) “*Ngh nh 59*” là Ngh nh s 59/2009/N -CP ngày 16/7/2009 c a Chính ph v t ch c, ho t ng c a ngân hàng th ng m i và các s a i, b sung Ngh nh này;

g) “*Thông t 06*” là Thông t s 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 c a Ngân hàng Nhà n c H ng đ n v t ch c, qu n tr, i u hành, v n i u l , chuy n nh ng c ph n, b sung, s a i Gi y phép, i u l c a ngân hàng th ng m i và các s a i, b sung Thông t này.

2. Các t ng ã c nh ngh a trong i u l Ngân hàng c ng có ngh a t ng t nh trong Quy ch này, tr nh ng t ng quy nh t i kho n l i u này. Các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.

Ch ư ợng II
NH ẬNG QUY ẬNH C ẬTH

M ẬC 1
C ẬC ẬT C ẬH C ẬC ẬH ẬI ẬNG ẬU ẬN ẬTR

Ậi Ậu 4. Thành ph ậ n và nhi ậ m k ậ c ậ H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr

1. S ậ l ậ ng thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr và thành ph ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr th ậ c h ậ i n theo quy ậ nh t ậ i ậ i ậ u 41 ậ i ậ u 1 Ậng h ậ àng.

Cá nh ậ n và ng ậ i có li ậ n quan c ậ cá nh ậ n ó h ậ c nh ậ ng ng ậ i là ậ i di ậ n v ậ n g ậ p c ậ m t ậ t c ậ h ậ không c ậ chi ậ m quá 1/3 (m ậ t ph ậ n ba) t ậ ng s ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr .

2. Nhi ậ m k ậ c ậ H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr là 5 (n m) n m. Nhi ậ m k ậ c ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr không quá 5 (n m) n m; thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr có th ậ c b ậ u l ậ i v ậ s ậ nhi ậ m k ậ không h ậ n c ậ h . Nhi ậ m k ậ c ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr c ậ b ậ sung h ậ c thay th ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr b ậ ng nhi ậ n m t ậ t c ậ c ậ h , m ậ n nhi ậ m, b ậ i nhi ậ m trong th ậ i h ậ n nhi ậ m k ậ là th ậ i h ậ n còn l ậ i c ậ nhi ậ m k ậ H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr . H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr c ậ nhi ậ m k ậ v ậ k ậ t th ậ c t ậ i p ậ t c ậ h ậ t ậ ng cho ậ n khi H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr c ậ nhi ậ m k ậ m ậ i t ậ p qu ậ n c ậ ng v ậ i c .

Ậi Ậu 5. Nh ậ ng tr ậ ng h ậ p không c ậ m nhi ậ m ch ậ c v

Nh ậ ng ng ậ i th ậ c ậ t ậ ng quy ậ nh t ậ i kho ậ n 2, ậ i ậ u 63 ậ i ậ u 1 Ậng h ậ àng không c ậ là thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr .

Ậi Ậu 6. Các tr ậ ng h ậ p không c ậ ng m nhi ậ m ch ậ c v

Các quy ậ nh v ậ không c ậ ng m nhi ậ m ch ậ c v c ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr th ậ c h ậ i n theo quy ậ nh t ậ i kho ậ n 1, ậ i ậ u 64 ậ i ậ u 1 Ậng h ậ àng.

Ậi Ậu 7. Tiêu chu ậ n và ậ i ậ u ki ậ n c ậ b ậ u, b ậ nhi ậ m thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr

Tiêu chu ậ n và ậ i ậ u ki ậ n c ậ b ậ u, b ậ nhi ậ m là thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr th ậ c h ậ i n theo quy ậ nh t ậ i ậ i ậ u 46 ậ i ậ u 1 Ậng h ậ àng..

Ậi Ậu 8. ậ ng nhi ậ n m t ậ t c ậ c ậ h , b ậ i nhi ậ m, m ậ n nhi ậ m thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr

Các tr ậ ng h ậ p ậ ng nhi ậ n m t ậ t c ậ c ậ h , b ậ i nhi ậ m, m ậ n nhi ậ m thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr và các quy ậ nh có li ậ n quan c ậ th ậ c h ậ i n theo quy ậ nh t ậ i ậ i ậ u 47 ậ i ậ u 1 Ậng h ậ àng.

Ậi Ậu 9. Thay th ậ thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr

1. Trong th ậ i h ậ n t ậ i ậ m ậ i l ậ m (15) ngày làm v ậ i c ậ k ậ t ậ ng ậ Ch ậ t c ậ h H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr b ậ ng nhi ậ n m t ậ t c ậ c ậ h thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr , các thành vi ậ n H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr có trách nhi ậ m t ậ c ậ h p H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr b ậ u m ậ t th ậ ành vi ậ n làm Ch ậ t c ậ h H ậ i ậ ng qu ậ n ậ tr .

2. Trong thời hạn tối đa sáu (60) ngày kể từ ngày nhận được xin chuyển chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải chuyển xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế.

3. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể chuyển việc tiếp nhận công bố thông tin theo trình tự quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định thì Hội đồng quản trị phải bổ sung thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

Điều 10. Công khai lợi ích liên quan

Việc công khai các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Luật Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghỉ việc của thành viên Hội đồng quản trị

Các quy định liên quan đến nghỉ việc của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Luật Ngân hàng.

Điều 12. Thù lao và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật Ngân hàng.

MỤC 2

NHIỆM VỤ, QUY ĐỊNH, HỌ TÊN VÀ NGƯỜI CHỨC VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật, thực hiện các công việc trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của giao.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.

3. Quyết định cấu trúc cơ sở chính, bộ phận kế toán nội bộ, sơ đồ giao dịch, chi nhánh, công ty con, công ty liên kết, và phòng giao dịch, văn phòng đại diện, văn phòng đại diện.

4. Quyết định việc mở sơ đồ giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập văn phòng đại diện.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, khen thưởng và quy định nội bộ, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng Hội đồng quản trị, các chức danh bộ phận kế toán nội bộ, Giám đốc sơ đồ giao dịch, chi nhánh, công ty con, công ty liên kết, văn phòng đại diện, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, thực hiện các tín dụng khác.

7. Công cụ đi vay góp của ngân hàng tài doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quy định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị nhàn 10% (mỗi phần trăm) vốn có của Ngân hàng trên cơ sở bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thu về thanh toán quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng giám sát, Hội đồng nhân sự, Hội đồng quản trị Ngân hàng.

9. Quy định các hình thức giao dịch của Ngân hàng không thu về phí, chi phí tài trợ của khách hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng và người có liên quan của Hội đồng quản trị Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Quy định chế độ kế toán áp dụng theo quy định của Hội đồng quản trị.

11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến phần kế toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ công khai; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

13. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, trường hợp cần thu về thanh toán của Ban kiểm soát hoặc của Hội đồng quản trị.

14. Quy định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

16. Lựa chọn các nhà giá chuyên nghiệp nhà giá tài sản không phải là tín dụng Việt Nam, ngoại trừ do chuyển nhượng, và theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

17. Trình Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuyển các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

18. Kiểm nghiệm việc chấp hành, ghi chép hồ sơ yêu cầu pháp nhân Ngân hàng.

19. Quy định chào bán các phần mềm trong phạm vi sản phẩm quy định chào bán của ngân hàng.

20. Quy định giá chào bán các phần mềm và trái phiếu chuyển nhượng của Ngân hàng.

21. Quy định mua lại các phần mềm của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

22. Trình báo cáo quy định tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị.

23. Kiểm nghiệm phương án phân phối lợi nhuận, mặt cắt ngang; quy định về thị trường và thị trường chứng khoán và phát sinh trong quá trình kinh doanh.

24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan trình Hội đồng quản trị quy định các vấn đề thu về thanh toán của Hội đồng quản trị Ngân hàng, trường hợp cần nội dung thu về thanh toán của Ban kiểm soát.

25. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục cấp, ngưng, bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; quy trình, thủ tục phê duyệt ngân sách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

26. Duy trì công trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp hội đồng; triểu tập họp hội đồng hoặc lý do khác để ngưng bổ nhiệm thông qua quy định.

27. Thực hiện khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quy định của hội đồng hoặc Hội đồng quản trị.

28. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp hội đồng;
2. Lập công trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Chủ nhiệm nội dung, tài liệu, công trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lý do khác của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị;

4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị; thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định đó;

5. Mời mời các Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan;

6. Mời mời các thành viên Hội đồng quản trị nhận thông tin ý kiến, khách quan, chính xác, và điều liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

7. Chủ nhiệm kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị phải thể hiện đầy đủ trong văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc phân công và các nhiệm vụ quy định của họ;

9. Giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;

10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các ý kiến của Hội đồng quản trị thì ưu tiên miễn nhiệm và báo cáo hội đồng về kết quả đánh giá này;

11. Mời mời các lao động có thể báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy định của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên cấp khác của Hội đồng quản trị;

12. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực và lợi ích của Ngân hàng.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kế toán viên lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, Điều lệ Ngân hàng, kế toán viên lập và kế toán viên trình bày trình các vấn đề có liên quan báo cáo.

4. Bảo vệ, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

6. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp không biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân theo pháp luật, trừ trường hợp Hội đồng và Chủ tịch Hội đồng quản trị vi phạm quy định của mình.

8. Trình khai thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

9. Có trách nhiệm giải trình trước Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ của giao khi có yêu cầu.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

Điều 16. Hợp Hội đồng quản trị

1. Các quy định liên quan trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều 48 Điều lệ Ngân hàng.

2. Biểu quyết

a) Mọi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là một người có phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền liên quan thì vẫn có thể biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị quy định nhưng không có phép tham gia biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích và không tính vào số lượng biểu quyết có một tại cuộc họp, người thực hiện không tính vào số lượng biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị khác tham gia biểu quyết vẫn có.

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh từ một cuộc họp liên quan đến quy định của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quy định của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không của thành viên Hội đồng quản trị có nguy cơ gây ra quy tắc bằng cách chấp thuận bất kỳ quy định quy định, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tiếp từ các cuộc họp. Phán quyết của các tài sản có giá trị cụ thể và có tính kết luận từ những họp khi bắt đầu hoặc cuối quy định của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chắc chắn sẽ bị từ chối.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng nêu trên khoản 1 của Điều 68 của Ngân hàng sẽ coi là có quy định về chi phí và chi phí.

3. Tuyên bố quy định: Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thì có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp từ một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng kinh doanh, một thỏa thuận kinh doanh giao kết với Ngân hàng phải khai báo bắt đầu quy định liên quan từ cuộc họp Hội đồng quản trị, thì Hội đồng quản trị sẽ xem xét vì có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quy định đó của mình hay trong bất cứ trường họp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay từ cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị sau khi thành viên đó biết chắc chắn có quy định liên quan.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết các tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cùng khi mà phiếu chấp thuận phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả khi mà phiếu chấp thuận công bố ngay trước khi bắt đầu cuộc họp;

b) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các phiếu tán thành, bao gồm các phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo quy định; trường họp phiếu ngang nhau thì quyết định của cùng thu về phía có ý kiến của nghị quyết của cuộc họp.

5. Ghi và thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết từ cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Các quy t nh ã c thông qua;

(ix) H , tên, ch ký c a t t c thành viên ho c i di n theo y quy n d h p.

b) Chánh V n phòng H i ng qu n tr ch u trách nhi m ghi Biên b n các cu c h p c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i m a kho n n ày.

c) Ch t a và Chánh v n phòng H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v tính trung th c và chính xác c a n i dung biên b n h p H i ng qu n tr .

d) Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i.

) Biên b n h p H i ng qu n tr và tài li u s d ng trong cu c h p ph i c l u gi t i tr chính c a Ngân hàng.

e) Tr ng h p thành viên tr c t i p d h p không ký vào biên b n thì ph i ghi rõ lý do; n u không ghi rõ lý do thì bi u quy t c a thành viên ó i v i nh ng n i dung t i cu c h p coi nh không có giá tr .

d) Biên b n l p b ng t i ng Vi t và t i ng n c ngoài có giá tr pháp lý ngang nhau. Tr ng h p có s khác bi t v n i dung thì c gi i thích theo biên b n c l p b ng t i ng Vi t.

6. Thông báo Ngh quy t c a H i ng qu n tr

Trong vòng 02 (hai) ngày làm vi c k t ngày thông qua các Quy t nh c a H i ng qu n tr , Chánh V n phòng H i ng qu n tr có trách nhi m thông báo cho các b ph n liên quan tri n khai th c hi n.

7. Ngân hàng có th t ch c h p H i ng qu n tr thông qua i n tho i ho c các hình th c khác khi có i u ki n. Vi c h p H i ng qu n tr thông qua i n tho i ho c hình th c khác th c hi n theo quy nh c a i u l Ngân hàng và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 17. Th m quy n và th th c l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr b ng v n b n

1. Ch t ch H i ng qu n tr quy t nh vi c l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr b ng v n b n.

2. Chánh V n phòng H i ng qu n tr chu n b phi u l y ý ki n, các tài li u c n thi t có liên quan n n i dung xin ý ki n. Phi u l y ý ki n và tài li u kèm theo ph i c g i b ng ph ng th c b o m n a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr .

3. Phi u l y ý ki n ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y phép thành l p và ho t ng, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh c a Ngân hàng;

b) M c ích l y ý ki n;

c) H , tên và a ch liên l c c a thành viên H i ng qu n tr ;

d) V n c n l y ý ki n;

) Phi u l y ý ki n ã c tr l i v Ngân hàng; bao g m: tán thành, không tán thành và không có ý ki n;

e) Th i h ng i phi u l y ý ki n ã c tr l i v Ngân hàng;

g) H và tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr .

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a thành viên H i ng qu n tr và g i v ngân hàng theo quy nh c a Ngân hàng.

5. Chánh V n phòng H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s giám sát c a t i thi u m t thành viên H i ng qu n tr c l p. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y phép thành l p và ho t ng, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh c a Ngân hàng;

b) M c ích và các v n c n l y ý ki n;

c) T ng s phi u bi u quy t g i i, t ng s phi u bi u quy t thu v , s phi u bi u quy t h p l , s phi u bi u quy t không h p l . Biên b n phi i có ph l c danh sách thành viên H i ng qu n tr ã tham gia bi u quy t;

d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n c xin ý ki n;

) H , tên, ch ký c a ng i ph trách ki m phi u, ng i giám sát.

6. Chánh V n phòng H i ng qu n tr tham gia vào vi c l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr b ng v n b n và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

7. Biên b n k t qu ki m phi u kèm ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr thông qua đ a trên k t qu ki m phi u ph i c g i n các thành viên H i ng qu n tr trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

8. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

9. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p H i ng qu n tr .

i u 18. Th ng tr c H i ng qu n tr

1. Thành ph n nhân s

a) Ch t ch H i ng qu n tr ;

b) Các Phó ch t ch H i ng qu n tr ;

c) y viên H i ng qu n tr kiêm T ng giám c.

2. C ch ho t ng

a) Th ng tr c H i ng qu n tr ho t ng theo c ch t p th lãnh o, cá nhân ph trách. T p th th ng tr c H i ng qu n th o lu n, Ch t ch H i ng qu n tr c n c ý ki n tham m u c a t p th a ra quy t nh;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công các thành viên thường trực Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc một số công việc;

c) Thành viên thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về các công việc do mình phụ trách.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thường trực Hội đồng quản trị

a) Thay mặt Hội đồng quản trị giám đốc kinh doanh và phát sinh thu nhập quy định của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị trên cơ sở ý kiến tham mưu của Ban điều hành, các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, bao gồm các văn bản sau:

(i) Quyết định cấu trúc, bổ máy điều hành của Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng điều hành, nhân viên sales, công ty con, công ty trực thuộc của Ngân hàng;

(ii) Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do Tổng Giám đốc đề nghị;

(iii) Trích lập và sửa đổi các quy định, chia cắt theo quyết định của Hội đồng;

(iv) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quy định mức lương và lợi ích khác cho Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng Hội đồng quản trị, các chức danh thu nhập bình quân năm, Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh, công ty con, công ty trực thuộc, nhân viên sales, Trưởng văn phòng điều hành trên cơ sở quy định của Hội đồng quản trị ban hành;

(v) Ban hành quy chế vật chất, hoạt động của Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng điều hành, Công ty con, Công ty trực thuộc.

(vi) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;

(vii) Ban hành các quy định, các hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước;

(viii) Quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác cho Tổng giám đốc;

(ix) Quyết định hình thức thông qua quyết định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.

Thông trực Hội đồng quản trị báo cáo lợi ích cho Hội đồng quản trị cụ thể hàng năm về các quyết định liên quan đến các văn bản trên.

b) Theo dõi chi tiêu và kiểm tra, giám sát bổ máy điều hành trong việc chấp hành pháp luật, điều lệ Ngân hàng và các quy định của Ngân hàng, khuyến khích thực hiện kế hoạch kinh doanh.

M C 3

B MÁY THAM M U, GIÚP VI C C A H I NG QU N TR

Điều 19. Các Hội đồng và Ủy ban

Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng và Ủy ban trực thuộc tham mưu hoặc thay mặt Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, bao gồm và không giới hạn các Hội đồng, Ủy ban sau:

1. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thay mặt Hội đồng quản trị phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư vào tài sản tài chính và tài sản khác của Ngân hàng theo đúng thẩm quyền;

2. Hội đồng tín dụng có nhiệm vụ thay mặt Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến cấp tín dụng (bao gồm: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bảo thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác); miễn, giảm lãi của Ngân hàng;

3. Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng có chức năng, nhiệm vụ quyết định các vấn đề trong công tác xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động của Ngân hàng;

4. Hội đồng thi đua, khen thưởng, kiểm soát có trách nhiệm tham mưu và thực hiện các nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng, kiểm soát của Ngân hàng;

5. Ủy ban vận hành quản lý rủi ro có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng;

6. Ủy ban vận hành nhân sự có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và mô tả nhiệm vụ và quy trình của Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách quản trị, đào tạo nhân sự và các vấn đề khác có liên quan đến quản trị, đào tạo nhân sự của Ngân hàng;

7. Ủy ban Chiến lược phát triển là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc hoạch định phát triển, xây dựng - hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh; chiến lược phát triển ngắn hạn; quản trị - kiểm tra, chi tiêu và đánh giá việc thực hiện chiến lược và chính sách kinh doanh, kiểm tra đưa ra các dự báo và đề nghị việc thực hiện chiến lược và chính sách kinh doanh của toàn hệ thống Eximbank trong từng giai đoạn phù hợp với biến động của tình hình;

8. Ủy ban liên minh là có nhiệm vụ triển khai thực hiện các dự án hợp tác chiến lược theo thỏa thuận liên minh chiến lược giữa Ngân hàng và các tác nhân liên quan ngoài (SMBC).

Điều 20. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị có chức năng phục vụ cho các hoạt động chi tiêu, điều hành, giám sát của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược trong toàn hệ thống Ngân hàng.

2. Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:

a) Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị kiêm Thư ký Hội đồng quản trị và Thư ký Ngân hàng;

b) Các Chuyên viên;

c) Các nhân viên.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

M C 4

M I QUAN H LÀM VI C GI A H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT VÀ T NG GIÁM C

i u 21. Quan h làm vi c v i Ban ki m soát

1. H i ng qu n tr v i t cách là m t b ph n trong c c u t ch c qu n lý c a Ngân hàng, quan h làm vi c v i Ban ki m soát theo nguyên t c bình ng và c l p trong quá trình th c thi nhi m v c a mình, ng th i ph i h p ch t ch , h tr l n nhau trong quá trình th c thi nhi m v .

2. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi có yêu c u b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n xin ý ki n c a a s thành viên Ban ki m soát.

3. Ch ng trình, n i dung và d ki n các v n quy t ngh t i cu c h p H i ng qu n tr ph i c g i n các thành viên Ban ki m soát cùng th i gian g i n thành viên H i ng qu n tr .

4. Thành viên Ban ki m soát có trách nhi m tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr , th o lu n và óng góp ý ki n i v i các v n c a ra và thông qua t i cu c h p.

5. Các ngh quy t c a H i ng qu n tr c g i n Ban ki m soát.

6. H i ng qu n tr có trách nhi m cung c p t t c thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Ngân hàng cho Ban ki m soát.

7. Tr ng Ban ki m soát ph i tri u t p h p Ban ki m soát, không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi có yêu c u b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n xin ý ki n c a Ch t ch ho c ít nh t 02 (hai) thành viên H i ng qu n tr .

8. Ban ki m soát có trách nhi m thông báo k p th i nh ng k t qu ho t ng c a Ban ki m soát và nh ng ki n ngh c n thi t n H i ng qu n tr theo quy nh.

9. Khi ti p nh n các biên b n ki m tra ho c báo cáo t ng h p c a Ban ki m soát, H i ng qu n tr có trách nhi m nghiên c u và ch o các b ph n có liên quan xây d ng k ho ch và th c hi n vi c ch n ch nh k p th i.

i u 22. Quan h làm vi c v i T ng giám c

1. H i ng qu n tr th c hi n nhi m v qu n lý, giám sát và i u hành i v i ho t ng c a T ng giám c trong vi c tri n khai các ngh quy t c a i h i ng c ông, quy t nh c a H i ng qu n tr .

2. T ng giám c báo cáo H i ng qu n tr v vi c th c hi n các ngh quy t c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr , báo cáo th c hi n các nhi m v kinh doanh và i u hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu c u c th c a H i ng qu n tr .

3. H i ng qu n tr xem xét l i các quy t nh c a T ng giám c trên c s ngh c a Ban ki m soát.

4. Th ng tr c H i ng qu n tr h p giao ban hàng tu n v i Ban i u hành, tham d các bu i giao ban tháng m r ng c a Ban i u hành; th ng xuyên làm vi c v i S giao d ch, chi nhánh và các n v tr c thu c, qua ó th c hi n ch c n ng lãnh

o và kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, công ty liên quan nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan nhân sự, công nghệ, chính sách thu nhập.

Điều 23. Quan hệ với công nhân hàng

1. Hội đồng quản trị với cách tiếp cận công nhân nhân viên quản trị Ngân hàng. Do đó, phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác của công nhân hàng của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các quy định của Hội đồng công thông qua Hội đồng công nhân hàng nhân viên. Có trách nhiệm giải đáp các thắc mắc và giải quyết các kiến nghị của công nhân viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm phân bổ, quản trị, theo dõi, kiểm tra, giám sát vị trí triển khai thực hiện các quy định của Hội đồng công.

Điều 24. Quan hệ với các công đoàn

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tài chính và thời gian Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị quy định cho Tổng giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

3. Tiếp nhận Ban chấp hành công đoàn tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kết luận báo cáo quy định và lợi ích của người lao động.

4. Hội đồng quản trị xây dựng chế độ Ban chấp hành công đoàn cơ sở giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quy định khen thưởng của Ngân hàng.

M C 5

QUY ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ HỖ TRỢ QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG CÔNG NHÂN HÀNG

Điều 25. Khen thưởng và Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bộ phận Ngân hàng phát triển nhân viên, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hình thức và mức khen thưởng và tiếp đãi tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị được xác định trên cơ sở tầm mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng nhân viên của Hội đồng quản trị đã chấp hành công thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và nội quy Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tầm mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã chấp hành công thông qua thì sẽ trình Hội đồng quy định.

Điều 26. Trách nhiệm tuân thủ quy định công khai lợi ích liên quan, tuân thủ nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Quy chế này, của Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân mình hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc để hình thành trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng những nghĩa vụ và trách nhiệm, nội dung công việc có trách nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chức năng khác khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị vi phạm các quy định về công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, ngoài việc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 8 Quy chế này còn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Ngân hàng do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Mức thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình thu được của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc bị thiệt hại

a) Thiệt hại phải là thiệt hại toàn bộ và kép;

b) Mức bị thiệt hại có thể giảm nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trực tiếp và lâu dài của người gây thiệt hại;

c) Mức bị thiệt hại, hình thức và phạm vi bị thiệt hại được xác định trên cơ sở mức thiệt hại thực tế mà Ngân hàng phải chịu và do Hội đồng Ngân hàng quy định.

3. Xác định thiệt hại

a) Thiệt hại tài sản: trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại tài sản cho Ngân hàng thì thiệt hại bị thiệt hại bao gồm những không gì khác:

(i) Tài sản bị mất;

(ii) Tài sản bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng;

(iii) Lợi ích gần gũi với việc khai thác, sử dụng tài sản;

(iv) Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại;

(v) Chi phí liên quan đến quá trình Ngân hàng yêu cầu quan có thẩm quyền xử lý bảo vệ quyền lợi của mình: chi phí luật sư, chi phí theo phán quyết của quan có thẩm quyền giải quyết;

(vi) Các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế mà Ngân hàng phải gánh chịu liên quan đến các thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

b) Thiệt hại uy tín của Ngân hàng do hành vi vi phạm gây ra bao gồm:

(i) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục hậu quả;

(ii) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.

4. Ngoài trách nhiệm phi b i i th ng thi t h i quy nh t i kho n 1, 2, 3 i u này, thành viên H i ng qu n tr còn có th phi ch u các trách nhiệm khác theo quy nh c a Quy ch này, i u l Ngân hàng và quy nh c a pháp lu t có liên quan do hành vi vi ph m các quy nh v công khai l i ích liên quan, các quy nh v ngh a v c a thành viên H i ng qu n tr .

Ch ng III **I U KHO N THI HÀNH**

i u 28. S a i, b sung Quy ch

1. Quy ch này có hi u l c k t ngày c i h i ng c ông thông qua.
2. Trong tr ng h p nh ng quy nh c a i u l Ngân hàng và pháp lu t có liên quan ch a c c p trong b n Quy ch này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a i u l Ngân hàng và pháp lu t có liên quan khác v i nh ng i u kho n trong Quy ch này thì nh ng quy nh c a i u l Ngân hàng và pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng, i u ch nh t ch c, ho t ng c a H i ng qu n tr .
3. Vi c s a i, b sung Quy ch này i h i ng c ông quy t nh.

TM. H I NG QU N TR
CH T CH